BẢN CHẤT KINH TẾ VÀ VAI TRÒ CỦA ĐẦU TƯ CHO GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRONG PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT THỜI KỲ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Phạm Thị Thu Hà
Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh
Email: phamha.ttc@gmail.com

Tóm tắt: *Bài báo làm rõ bản chất kinh tế của đầu tư cho giáo dục và đào tạo dưới góc nhìn Kinh tế chính trị Mác - Lênin, khẳng định đây là hình thức tích lũy vốn nhân lực quyết định sự phát triển của lực lượng sản xuất trong thời kỳ chuyển đổi số. Trên cơ sở phân tích thực trạng tại Việt Nam, bài viết đề xuất một số giải pháp đồng bộ nhằm tái cấu trúc cơ chế phân bổ vốn đầu tư, đẩy mạnh hợp tác công - tư và đổi mới chương trình đào tạo, góp phần thúc đẩy lực lượng sản xuất số phát triển.*

Từ khóa: *Kinh tế chính trị; Đầu tư giáo dục - đào tạo; Lực lượng sản xuất; Chuyển đổi số; Vốn nhân lực số.*

THE ECONOMIC NATURE AND ROLE OF INVESTMENT IN EDUCATION AND TRAINING FOR THE DEVELOPMENT OF PRODUCTIVE FORCES IN THE ERA OF DIGITAL TRANSFORMATION

Abstract: *This article clarifies the economic nature of investment in education and training from the perspective of Marxist-Leninist political economy, asserting that it constitutes a form of human capital accumulation that is decisive for the development of productive forces in the era of digital transformation. Based on an analysis of the current situation in Vietnam, the article proposes a set of integrated solutions - including restructuring the mechanism for allocating investment capital, promoting public-private partnerships, and innovating training curricula - to foster the development of digital productive forces.*

Keywords: *Political economy; Investment in education and training; Productive forces; Digital transformation; Digital human capital.*

Nhận bài: 26/09/2026 Phản biện: 27/10/2026 Duyệt đăng: 01/11/2026

I. MỞ ĐẦU

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0), với trọng tâm là chuyển đổi số toàn diện, đang tạo ra những biến đổi sâu sắc đối với sự phát triển của xã hội loài người. Dưới góc độ Kinh tế chính trị Mác - Lênin, sự phát triển của các công nghệ nền tảng như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây và internet kết nối vạn vật (IoT) không chỉ là sự cải tiến kỹ thuật mà còn tạo ra bước phát triển mới về chất của lực lượng sản xuất (LLSX). Trong phương thức sản xuất hiện đại, tư liệu lao động ngày càng được thông minh hóa, đối tượng lao động mở rộng sang không gian số, đặt ra yêu cầu nâng cao trình độ tri thức, kỹ năng và năng lực sáng tạo của người lao động để trở thành chủ thể làm chủ công nghệ và tạo ra giá trị mới.

Sự phát triển của LLSX trong thời kỳ chuyển đổi số đòi hỏi quá trình tái sản xuất sức lao động ở trình độ cao hơn, trong đó giáo dục và đào tạo (GD&ĐT) giữ vai trò căn bản. Tuy nhiên, việc nhìn nhận nguồn lực dành cho GD&ĐT như khoản chi phí tiêu dùng mang tính phúc lợi xã hội hoặc chi hành chính sự nghiệp thuần túy vẫn còn những hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả phân bổ và sử dụng nguồn lực. Xét về bản chất kinh tế, đầu tư cho GD&ĐT là quá trình tích lũy vốn nhân lực, vốn tri thức, tạo ra giá trị gia tăng và động lực nội sinh cho tăng trưởng kinh tế. Khác với đầu tư vào tư liệu sản xuất hữu hình chịu sự hao mòn theo thời gian, đầu tư cho con người góp phần phát triển trí tuệ, kỹ năng và năng lực sáng tạo, tạo tiền đề chuyển hóa tri thức khoa học thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

Tại Việt Nam, Đảng và Nhà nước luôn khẳng định GD&ĐT cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu. Trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển đổi số quốc gia, Đại hội XIV của Đảng tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Tuy nhiên, việc phân bổ, quản lý và sử dụng nguồn vốn đầu tư cho GD&ĐT vẫn còn những hạn chế về cơ cấu đầu tư, hiệu quả huy động nguồn lực xã hội và sự gắn kết giữa đào tạo với nhu cầu thị trường lao động số. Từ yêu cầu lý luận và thực tiễn đó, bài viết tập trung làm rõ bản chất kinh tế, vai trò của đầu tư cho GD&ĐT đối

với phát triển LLSX trong thời kỳ chuyển đổi số, phân tích thực trạng tại Việt Nam và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư trong giai đoạn hiện nay.

II. NỘI DUNG

2.1. Bản chất kinh tế của đầu tư cho giáo dục và đào tạo dưới góc nhìn Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Dưới góc nhìn Kinh tế chính trị Mác - Lênin, đầu tư cho GD&ĐT không chỉ là hoạt động chi tiêu tài chính hay thực hiện chính sách phúc lợi xã hội mà còn là quá trình tái sản xuất sức lao động ở trình độ cao. Trong bộ *Tư bản*, C. Mác chỉ rõ sức lao động là tổng thể những năng lực thể chất và tinh thần của con người; để tái sản xuất sức lao động có trình độ chuyên môn, xã hội phải bỏ ra một lượng lao động cần thiết cho quá trình đào tạo, huấn luyện. Trong bối cảnh chuyển đổi số, yêu cầu ngày càng cao về tri thức, kỹ năng và năng lực làm chủ công nghệ làm gia tăng nhu cầu đầu tư để hình thành nguồn nhân lực số đáp ứng phương thức sản xuất hiện đại.

Bản chất kinh tế của đầu tư cho GD&ĐT thể hiện trước hết ở quá trình tích lũy vốn nhân lực và vốn tri thức, một hình thức đầu tư trực tiếp vào con người nhằm phát triển LLSX. Khác với tư liệu sản xuất hữu hình như máy móc, thiết bị, nhà xưởng chịu sự hao mòn trong quá trình sử dụng và biến đổi công nghệ, tri thức, kỹ năng và năng lực sáng tạo của con người có khả năng được bồi đắp, tích lũy và phát triển thông qua hoạt động thực tiễn. Vì vậy, đầu tư cho GD&ĐT không chỉ nâng cao chất lượng sức lao động mà còn tạo ra nguồn lực nội sinh cho tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội.

Đầu tư cho GD&ĐT còn thúc đẩy quá trình chuyển hóa lao động giản đơn thành lao động phức tạp. Theo C. Mác, lao động phức tạp là lao động giản đơn được nhân lên, có khả năng tạo ra lượng giá trị lớn hơn trong cùng một đơn vị thời gian. Trong nền kinh tế số, sự phát triển của trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây và các công nghệ nền tảng làm gia tăng nhu cầu lao động có trình độ chuyên môn, kỹ năng số và năng lực sáng tạo. Do đó, đầu tư cho GD&ĐT có vai trò quan trọng trong nâng cao trình độ sức lao động, gia tăng năng suất lao động xã hội và thúc đẩy phát triển LLSX.

Bên cạnh đó, đầu tư cho GD&ĐT còn tạo ra hiệu ứng lan tỏa đối với toàn bộ nền kinh tế. Lợi ích của hoạt động đầu tư này không chỉ thể hiện ở khả năng nâng cao thu nhập của người lao động mà còn ở việc tăng năng lực tiếp thu, ứng dụng công nghệ, giảm chi phí giao dịch và thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Nhận thức rõ vai trò kinh tế của đầu tư cho GD&ĐT là cơ sở quan trọng để thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, trong đó khẳng định: "Giáo dục và Đào tạo là quốc sách hàng đầu, quyết định tương lai dân tộc. Phát triển giáo dục và đào tạo là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân". Theo đó, đầu tư cho GD&ĐT cần được nhìn nhận là hình thức đầu tư dài hạn, tạo nền tảng phát triển nguồn nhân lực và LLSX trong thời kỳ chuyển đổi số.

2.2. Vai trò của đầu tư cho giáo dục và đào tạo trong phát triển lực lượng sản xuất thời kỳ chuyển đổi số

Sự phát triển của LLSX luôn là thước đo căn bản cho sự tiến bộ của một phương thức sản xuất. Trong thời kỳ chuyển đổi số, sự tác động của dòng vốn đầu tư cho GD&ĐT đối với LLSX không chỉ dừng lại ở sự gia tăng về mặt số lượng, mà tạo ra bước nhảy vọt mang tính cách mạng về mặt cấu trúc và chất lượng trên cả hai nhân tố hợp thành: người lao động và tư liệu sản xuất.

Thứ nhất, đối với nhân tố người lao động, là chìa khóa để chuyển đổi người lao động truyền thống thành "lao động tri thức số". Trong bối cảnh các công nghệ số xâm nhập sâu vào mọi quy trình sản xuất, người lao động không còn đơn thuần thực hiện các thao tác cơ học, mà trở thành chủ thể điều khiển, tối ưu hóa và sáng tạo cùng công nghệ. Việc đầu tư ngân sách đúng hướng cho GD&ĐT giúp trang bị cho người lao động hệ thống kỹ năng số cốt lõi, tư duy dữ liệu, khả năng làm chủ trí tuệ nhân tạo (AI) và năng lực thích ứng linh hoạt trước sự thay đổi công nghệ. Nguồn vốn đầu tư này đồng thời làm giảm tốc độ hao mòn vô hình của sức lao động thông qua các chương trình đào tạo lại và đào tạo nâng cao, bảo đảm cho nguồn nhân lực luôn giữ vị thế là lực lượng sản xuất trực tiếp và tiên tiến nhất.

Thứ hai, đối với nhân tố tư liệu sản xuất của LLSX. C.Mác từng dự báo đến một giai đoạn, tri thức xã hội phổ biến sẽ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Thời kỳ chuyển đổi số chính

là sự hiện thực hóa sinh động dự báo ấy. Đầu tư cho GD&ĐT đặc biệt là giáo dục đại học và các trung tâm nghiên cứu chính là nguồn cung cấp tri thức, thuật toán và các phát minh công nghệ để chế tạo ra các công cụ lao động thế hệ mới như rôbốt thông minh, hệ thống tự động hóa và các phần mềm quản trị hiện đại. Mặt khác, dòng vốn đầu tư này còn góp phần "số hóa" đối tượng lao động, biến dữ liệu (Data) trở thành một đối tượng lao động mới, một nguồn tài nguyên phi vật thể vô tận. Việc xử lý và khai thác dữ liệu tạo ra giá trị mới với chi phí biên tiến dần về 0, mở ra dư địa phát triển chưa từng có cho LLSX.

Thứ ba, đối với phương thức kết hợp giữa người lao động và tư liệu sản xuất. Đầu tư cho GD&ĐT đóng vai trò là chất xúc tác tối ưu hóa sự kết hợp giữa hai nhân tố này, giúp tái cấu trúc quy trình sản xuất theo hướng tinh gọn, tự động hóa và thông minh hóa. Năng lực làm chủ công nghệ của người lao động sau khi được đào tạo bài bản giúp làm tăng năng suất lao động tổng hợp, giảm thiểu chi phí giao dịch xã hội, đồng thời tạo tiền đề hình thành các lực lượng sản xuất mới mang tính mạng lưới. Như vậy, đầu tư cho GD&ĐT không chỉ phát triển từng nhân tố riêng lẻ, mà còn nâng tầm toàn bộ sức mạnh tổng hợp của LLSX, đóng vai trò đòn bẩy quyết định giúp nền kinh tế bứt phá khỏi bẫy thu nhập trung bình và chủ động hội nhập vào chuỗi giá trị toàn cầu.

2.3. Thực trạng đầu tư cho giáo dục và đào tạo gắn với phát triển lực lượng sản xuất số ở Việt Nam hiện nay

Dưới ánh sáng của lý luận Kinh tế chính trị Mác - Lênin, đánh giá thực trạng đầu tư cho GD&ĐT ở Việt Nam hiện nay đòi hỏi phải nhìn nhận một cách khách quan, toàn diện cả ở mặt thành tựu mang tính nền tảng lẫn những "điểm nghẽn" cấu trúc đang cản trở sự chuyển hóa tri thức thành LLSX số.

Xét về mặt thành tựu, Đảng và Nhà nước ta đã luôn kiên trì quan điểm coi GD&ĐT là quốc sách hàng đầu. Trong những năm qua, nguồn lực ngân sách nhà nước dành cho giáo dục duy trì ở mức tiệm cận 20% tổng chi ngân sách; cùng với đó là việc đẩy mạnh cơ chế tự chủ và huy động nguồn lực xã hội hóa. Nhờ vậy, hạ tầng GD&ĐT bước đầu được chuyển đổi số mạnh mẽ; các chương trình đào tạo tích hợp công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn và kỹ năng số được phủ rộng ở các cấp học. Đội ngũ "lao động số" của Việt Nam gia tăng nhanh chóng về quy mô, đóng góp tích cực vào sự phát triển của các ngành công nghệ, thương mại điện tử và dịch vụ số. Nguồn vốn đầu tư cho GD&ĐT đã trực tiếp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bước đầu đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại.

Tuy nhiên, nhìn từ lăng kính kinh tế chính trị, quá trình này vẫn đang bộc lộ những hạn chế sau:

Thứ nhất, cơ cấu và phương thức phân bổ vốn đầu tư cho GD&ĐT chưa thực sự tối ưu. Tỷ trọng chi thường xuyên (chủ yếu là chi lương và hoạt động bộ máy) vẫn chiếm ưu thế tuyệt đối trong tổng chi ngân sách cho giáo dục, trong khi chi đầu tư phát triển, đặc biệt là đầu tư cho hạ tầng công nghệ số, các phòng thí nghiệm trọng điểm và hoạt động nghiên, phát triển (R&D), còn rất khiêm tốn. Sự lệch pha này khiến các cơ sở GD&ĐT gặp khó khăn trong việc tạo ra bước nhảy vọt về cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, vốn là tiền đề vật chất để sản xuất ra công cụ lao động số.

Thứ hai, tồn tại sự "lệch pha" giữa cung và cầu trên thị trường lao động số. Hiệu quả của dòng vốn đầu tư cho GD&ĐT chưa cao do sự mất cân đối giữa kết quả đào tạo của hệ thống giáo dục và nhu cầu thực tế của LLSX số. Sự liên kết giữa ba nhà: Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp còn mang tính hình thức, thiếu cơ chế lợi ích kinh tế thỏa đáng để thu hút dòng vốn đầu tư từ khu vực tư nhân vào GD&ĐT. Hậu quả là, một bộ phận không nhỏ sức lao động sau đào tạo chịu sự "hao mòn vô hình" nhanh chóng, phải đào tạo lại hoặc không đáp ứng được yêu cầu của các chuỗi giá trị toàn cầu.

Thứ ba, sự bất bình đẳng trong tiếp cận nguồn lực GD&ĐT chất lượng cao. Khoảng cách phân bổ nguồn lực đầu tư cho giáo dục giữa các vùng miền, đặc biệt là giữa khu vực đô thị và khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa còn lớn. Sự chênh lệch này vô hình trung tạo ra "khoảng cách số", cản trở sự phát triển đồng bộ của LLSX trên phạm vi toàn quốc và gây áp lực lên việc giải quyết hài hòa các quan hệ lợi ích kinh tế - xã hội.

2.4. Một số giải pháp đổi mới đầu tư cho giáo dục và đào tạo nhằm phát triển lực lượng sản xuất số ở Việt Nam

Xuất phát từ những vấn đề lý luận và thực tiễn đã phân tích, để tối ưu hóa nguồn lực đầu tư cho GD&ĐT, thực sự thành đòn bẩy chiến lược thúc

đẩy sự phát triển của LLSX số ở Việt Nam trong giai đoạn tới, tác giả đề xuất hệ thống giải pháp đồng bộ sau đây:

Thứ nhất, tái cấu trúc cơ chế phân bổ và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công cho giáo dục và đào tạo. Đầu tư công phải đóng vai trò dẫn dắt cho quá trình tích lũy vốn nhân lực số. Cần thực hiện sự dịch chuyển mang tính bước ngoặt trong cơ cấu chi ngân sách nhà nước cho GD&ĐT: giảm tỷ trọng chi thường xuyên, tăng mạnh tỷ trọng chi đầu tư phát triển. Trọng tâm ưu tiên phân bổ nguồn vốn phải hướng vào việc xây dựng hạ tầng công nghệ số quốc gia cho giáo dục: hệ thống dữ liệu lớn ngành giáo dục, nền tảng học tập trực tuyến quốc gia, các phòng thí nghiệm trọng điểm về trí tuệ nhân tạo, tự động hóa và an ninh mạng,... Đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách từ phương thức "cấp phát theo quy mô biên chế" sang phương thức phân bổ dựa trên kết quả đầu ra và chất lượng năng lực sáng tạo của sản phẩm đào tạo. Cần trao quyền tự chủ tài chính gắn liền với trách nhiệm giải trình cho các cơ sở GD&ĐT, qua đó tạo động lực nội sinh để các đơn vị chủ động tối ưu hóa nguồn lực đầu tư, khắc phục tình trạng dàn trải, lãng phí vốn ngân sách.

Thứ hai, hoàn thiện thể chế kinh tế, đẩy mạnh xã hội hóa và hình thành mô hình hợp tác công - tư (PPP) hiệu quả trong giáo dục. Sức mạnh của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải huy động tối đa nguồn lực từ các thành phần kinh tế, đặc biệt là khu vực doanh nghiệp công nghệ. Hoàn thiện hành lang pháp lý và các công cụ kinh tế như: chính sách thuế, tín dụng ưu đãi, đất đai,… để thu hút mạnh mẽ dòng vốn đầu tư tư nhân và đầu tư nước ngoài (FDI) vào hệ sinh thái GD&ĐT số. Cần nhìn nhận doanh nghiệp không chỉ là nơi tiêu thụ sản phẩm đầu ra, mà là một chủ thể đồng thực hiện quá trình tái sản xuất sức lao động. Thúc đẩy mô hình hợp tác công - tư (PPP) thực chất trong đào tạo nhân lực. Nhà nước và doanh nghiệp cần thiết lập cơ chế chia sẻ rủi ro và lợi ích kinh tế: doanh nghiệp tham gia trực tiếp vào việc tài trợ trang thiết bị công nghệ, đặt hàng chương trình đào tạo và cấp học bổng; đổi lại, cơ sở giáo dục cam kết cung ứng nguồn nhân lực đáp ứng chính xác tiêu chuẩn kỹ thuật số mà doanh nghiệp yêu cầu. Mô hình này sẽ triệt tiêu tình trạng "lệch pha" cung - cầu và nâng cao hiệu suất sinh lời kinh tế của vốn đầu tư.

Thứ ba, đổi mới đồng bộ nội dung, chương trình GD&ĐT gắn liền với yêu cầu của thị trường lao động số. Đầu tư vốn chỉ mang lại giá trị gia tăng cao khi cấu trúc của "hàng hóa sức lao động" phù hợp với trình độ của tư liệu sản xuất hiện đại. Do đó, cần chiến lược quốc gia trong việc tích hợp tư duy số, kỹ năng số, năng lực phản biện, sáng tạo và đạo đức số vào chương trình giảng dạy ở mọi cấp học, từ giáo dục phổ thông đến giáo dục nghề nghiệp và đại học. Đưa ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh và tin học thành công cụ lao động phổ thông của mọi người lao động. Xây dựng hệ thống "giáo dục mở" và "học tập suốt đời" làm nền tảng kinh tế để giải quyết bài toán hao mòn vô hình của tri thức. Cần có chính sách tài chính hỗ trợ người lao động tham gia các chương trình đào tạo lại và nâng cao kỹ năng để thích ứng linh hoạt với các cú sốc công nghệ và sự dịch chuyển không ngừng của chuỗi giá trị toàn cầu.

Thứ tư, gắn kết nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo với việc nâng cao năng lực vận dụng thực tiễn cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở. Đẩy mạnh thương mại hóa các kết quả nghiên cứu khoa học từ các trường đại học và viện nghiên cứu. Biến tri thức thành hàng hóa có giá trị trao đổi trên thị trường, tạo ra chuỗi giá trị khép kín từ: Đào tạo - Nghiên cứu - Ứng dụng - Sản xuất. Đối với hệ thống các trường chính trị cấp tỉnh, nơi trực tiếp đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở, cần cụ thể hóa tư duy kinh tế chính trị về đầu tư phát triển lực lượng sản xuất vào thực tiễn địa phương. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo cần được trang bị năng lực tư duy chiến lược để hoạch định các chính sách đầu tư công cho giáo dục, khoa học công nghệ sát với đặc thù phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương, khắc phục triệt để tư duy nhiệm kỳ hay xem giáo dục là lĩnh vực "tiêu thụ phúc lợi" thuần túy.

Thực hiện đồng bộ và quyết liệt các giải pháp trên không chỉ giúp khai mở và sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư cho GD&ĐT, mà còn là chìa khóa then chốt để Việt Nam bứt phá mạnh mẽ trong kỷ nguyên chuyển đổi số, nhanh chóng hiện thực hóa mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

III. KẾT LUẬN

Tóm lại, dưới lăng kính của Kinh tế chính trị Mác - Lênin, đầu tư cho giáo dục và đào tạo không phải là một khoản chi phí tiêu dùng mang

tính phúc lợi thuần túy, mà về bản chất kinh tế là quá trình tích lũy vốn nhân lực, vốn tri thức, hình thức đầu tư trực tiếp và hiệu quả nhất vào "lõi" của lực lượng sản xuất. Trong thời kỳ chuyển đổi số, khi sự phát triển của công nghệ nền tảng và dữ liệu làm thay đổi sâu sắc cấu trúc nền kinh tế, dòng vốn đầu tư cho giáo dục và đào tạo chính là đòn bẩy quyết định nhằm biến lao động truyền thống thành "lao động tri thức số", chuyển hóa tri thức khoa học thành lực lượng sản xuất trực tiếp và nâng tầm toàn bộ sức mạnh tổng hợp của phương thức sản xuất.

Thực tiễn tại Việt Nam cho thấy, dù đã đạt được những thành tựu quan trọng trong chuyển đổi số giáo dục và phát triển nguồn nhân lực, việc phân bổ và khai thác nguồn lực đầu tư cho GD&ĐT vẫn đang đứng trước không ít "điểm nghẽn" cấu trúc. Sự mất cân đối trong cơ cấu chi ngân sách, tính thiếu liên kết giữa cơ sở đào tạo với thị trường lao động và khoảng cách số giữa các vùng miền đang cản trở sự bứt phá của lực lượng sản xuất số.

Để giải quyết triệt để những mâu thuẫn này, việc đổi mới tư duy kinh tế trong quản lý và phân bổ nguồn lực giáo dục là yêu cầu mang tính bước ngoặt. Cần tái cấu trúc cơ chế phân bổ vốn đầu tư công, đẩy mạnh thể chế hợp tác công - tư (PPP), đổi mới chương trình đào tạo gắn sát với thị trường lao động số và nâng cao năng lực hoạch định chính sách của đội ngũ cán bộ quản lý các cấp. Chuyển dịch tư duy từ "chi phí cho giáo dục" sang "đầu tư phát triển vốn nhân lực số" không chỉ là sự vận dụng đúng đắn, sáng tạo quy luật kinh tế chính trị Mác-Lênin trong thời đại mới, mà còn là chìa khóa chiến lược giúp Việt Nam giải phóng toàn bộ năng lực sản xuất xã hội, vượt qua bẫy thu nhập trung bình và hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc trong Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

C. Mác, & Ph. Ăngghen. (2002). Toàn tập (Tập 23: Bộ Tư bản). Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

Chính phủ. (2020). Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2026). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (Tập 1–2). Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. (2021). Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Dành cho hệ cao cấp lý luận chính trị). Nhà xuất bản Lý luận chính trị.

Nguyễn Thị Lập. (2022). Phát triển lực lượng sản xuất ở Việt Nam trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tạp chí Lý luận chính trị, (535), 45–52.

World Bank. (2021). Báo cáo Đổi mới sáng tạo ở Việt Nam: Đánh giá vai trò của Nhà nước và doanh nghiệp. Nhà xuất bản Hồng Đức.